

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phụng - Chủ tịch Hội khuyến học huyện Buôn Đơn.
2. Ông Nguyễn Lam Điền: Cán bộ hưu trí.

Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Văn Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê Kđăm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2023/TLST – HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt)

HKTT: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ hiện nay: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2023 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoa trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ khoảng năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi vã, bất hòa. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, hay bất đồng quan điểm về lối sống, tính cách và sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng với ông H là không còn không thể hàn gắn được. Bà H đề nghị được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Ngọc N – sinh ngày 17/8/2004, Nguyễn Thị Ngọc A – sinh ngày 26/12/2007 hiện nay cháu

khỏe mạnh, phát triển bình thường. Kể từ khi bà H và ông H sống ly thân cho đến nay ông H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung.

Bà H đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A cho ông H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc N đã trưởng thành nên ở với ai là quyền của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có tài sản chung và xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2023 và trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, thời gian đầu sống hạnh phúc, tuy nhiên từ khoảng năm 2011 ông bà xảy ra mâu thuẫn và bà H bỏ đi. Nguyên nhân là do bà H có tình cảm và bỏ đi với người đàn ông khác, một mình ông H phải chăm sóc cho 02 người con. Kể từ năm 2011 đến nay ông và bà Nguyễn Thị H sống ly thân.

Nay xét tình cảm vợ chồng với bà H tuy không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu không hàn gắn được nữa nhưng ông H là người theo đạo Công giáo nên ông không đồng ý ly hôn với bà H mà đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Ngọc N – sinh ngày 17/8/2004, Nguyễn Thị Ngọc A – sinh ngày 26/12/2007. Ông H đã một mình nuôi dưỡng cả 02 con chung từ nhiều năm nay, không có sự hỗ trợ của bà H, nay ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc A – sinh ngày 26/12/2007 cho đến khi cháu thành niên, đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc N – sinh ngày 17/8/2004 đã thành niên nên ở với ai là quyền của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa bà Nguyễn đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: - Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A – sinh ngày 26/12/2007 cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H và ông H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2023 bà Nguyễn Thị H khởi kiện ông Nguyễn Văn H hiện nay nơi cư trú hiện tại thôn A, xã C, huyện B về việc giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn H mặc đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H kết hôn với ông Nguyễn Văn H ngày 20/8/2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là hợp pháp.

Thấy rằng, vợ chồng bà H, ông H sống hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất hòa. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không phù hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đã sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể duy trì nên đề nghị tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật.

Qua hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng bà H và ông H thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, bất hòa, cuộc sống hôn nhân không êm ấm, hạnh phúc nên sống ly thân từ nhiều năm nay.

Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu của bà H xin được ly hôn với ông H là có căn cứ pháp luật chấp nhận.

[2.2] Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng bà H, ông H có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Ngọc N – sinh ngày 17/8/2004, Nguyễn Thị Ngọc A – sinh ngày 26/12/2007, từ ngày vợ chồng sống ly thân ông H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các con chung. Xét yêu cầu của bà H và ông H về việc tiếp tục giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc A là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ánh và đảm bảo quyền lợi của cháu. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà H và ông H: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A cho ông H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A thành niên là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn: Căn cứ quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình,

- + Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của của cháu Ánh được sống chung với ông H.

- + Bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu A mà không ai được cản trở nhưng bà H không được lạm dụng quyền này để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H cũng như ông Nguyễn Văn H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A – sinh ngày 26/12/2007 cho ông Nguyễn Văn H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên.

+ Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của của cháu Ánh được sống chung với ông H. Bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Ánh mà không ai được cản trở nhưng bà H không được lạm dụng quyền này để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H cũng như ông Nguyễn Văn H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 19359 ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- CC THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã Chư Kbo
- Các đương sự;
- Lưu HS - VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sỹ Thành